

Bản án số: 253/2023/DS-PT

Ngày: 30/5/2023

V/v: Chia thừa kế; chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký

Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 536/2022/TLPT-DS ngày 24/11/2022 về việc "*Chia thừa kế; chia tài sản chung*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2023/QĐ-PT ngày 4/4/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 273/2023/TB-TA ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2023/QĐPT-HPT ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Sửu, sinh năm 1966.

HKTT: Khối 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Tân, sinh năm 1964.

HKTT: Khối 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Thị Mẫn, sinh năm 1929.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Mẫn: Bà Chu Thị Phương Thảo và bà Nguyễn Thị Hà, Trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị Tàn, sinh năm 1953.

- Bà Trần Thị Huân, sinh năm 1956.

Cùng HKTT: Khối 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị Luyện, sinh năm 1960.

HKTT: Tổ 21, Tân Thành, Hùng Vương, Phú Thọ.

- Bà Trần Thị Hương, sinh năm 1972.

HKTT: Đội 12, Nhân Dục, Hiến Nam, Hưng Yên.

- Bà Trần Thị Thuận, sinh năm 1975.

- Bà Bùi Thị Vui, sinh năm 1964.

- Anh Trần Văn Kiên, sinh năm 1986.

- Chị Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1988.

Cùng trú tại: Khối 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Kiên, Luật sư Đỗ Trọng Linh, Công ty luật TNHH APOLLO.

Do có kháng cáo của ông Trần Văn Tân là bị đơn; cụ Nguyễn Thị Mẫn, anh Trần Văn Kiên là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Sửu trình bày:**

Bố bà là cụ Trần Văn Tạo, sinh năm 1925, chết ngày 29/3/2015. Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Mẫn, sinh năm 1929. Bố mẹ bà có tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại thôn Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 248366 ngày 04/11/2010 đối với thửa số 91, tờ bản đồ số 6 có diện tích 331m² (đo vẽ lại và không tranh chấp là 370,3m²) đứng tên ông Trần Văn Tạo tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội (cùng địa chỉ Khối 3, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội).

Di sản thừa kế của bố bà để lại là 1/2 nhà đất theo GCN tại thôn Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội. Bố bà chết không để lại di chúc.

Về huyết thống: Bố mẹ bà có 08 người con là: Bà Trần Thị Tần, sinh năm 1953; bà Trần Thị Huân, sinh năm 1956; bà Trần Thị Luyện, sinh năm 1960; ông Trần Văn Tân, sinh năm 1964; bà Trần Thị Sửu, sinh năm 1966; ông Trần Văn Phương, sinh năm 1968, chết ngày 04/12/1996 (không có vợ con); bà Trần Thị Hương, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Thuần; sinh năm 1975. Ngoài ra bố mẹ bà không có con nuôi con riêng nào khác.

Bà khởi kiện chia thừa kế cụ Tạo như sau: Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản của bố bà là 1/2 nhà đất tại thôn Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội đã được cấp GCN. Bà xin hưởng bằng đất vào một khối cùng với bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Hương, bà Thuần để có chỗ thờ cúng cụ Tạo và ông Phương.

*** Bị đơn ông Trần Văn Tân trình bày:**

Bố mẹ ông có thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 diện tích 331m² tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất này do cha ông để lại cho bố mẹ ông. Sau này các chị em gái đi lấy chồng thì vợ chồng ông ở với bố mẹ.

Trên thửa đất số 91 này bố mẹ ông đã xây nhà cấp bốn 05 gian và các công trình phụ. Năm 2003 vợ chồng ông xây nhà 03 tầng trên đất và vẫn để nguyên nhà cũ và các công trình trên đất như khi cụ Tạo còn sống. Sau khi xây nhà 03 tầng xong thì vợ chồng ông cho vợ chồng con trai đầu là Kiên và vợ là Phương ở. Vợ chồng ông ra ở mảnh đất dần dần gần đó.

Ông nhất trí với bà Sửu trình bày về quan hệ gia đình, tài sản của bố mẹ ông để lại. Nay ông đề nghị cho ông được hưởng phần mà vợ chồng ông đã làm nhà 03 tầng, phần còn lại thì để cụ Mẫn và 06 chị em gái của ông hưởng, muốn xây nhà thờ hay không thì tùy.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Mẫn trình bày:**

Chồng cụ là cụ Trần Văn Tạo, sinh năm 1925, chết ngày 29/3/2015. Hai cụ có 08 người con như bà Sửu trình bày.

Sau khi cụ Tạo chết thì cụ ở một mình tại nhà 05 gian, còn cháu Kiên và cháu Phương ở nhà 03 tầng do vợ chồng anh Tân xây dựng. Anh Kiên là cháu nội cụ nhưng hỗn láo, suốt ngày chửi đổng cụ nói cụ là con già. Đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

***Bà Trần Thị Tần, bà Trần Thị Huân, bà Trần Thị Luyện, bà Trần Thị Hương, bà Trần Thị Thuần trình bày:**

Nhất trí với trình bày của bà Sửu về quan hệ gia đình, tài sản của bố mẹ để lại. Di sản thừa kế của cụ Tạo là 1/2 nhà đất đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên cụ Trần Văn Tạo tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội (Khối 3, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội là cùng địa chỉ) với diện tích 331m² (đo vẽ lại và không tranh chấp là 370,3m²). Các bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật vì cụ Tạo chết không để lại di chúc. Các bà xin hưởng bằng hiện vật và nhận chung vào một khối với bà Sửu để thờ cúng cụ Tạo và em Phương.

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Hương xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, kể cả việc xét xử.

***Anh Trần Văn Kiên trình bày:**

Anh được bố mẹ cho ở với ông bà nội từ nhỏ. Đến năm 2003 ông Ngọc là chồng bà Thuần bị cụt chân. Bà Thuần khi đó đang đi xuất khẩu Hà Quốc nhờ anh trông nom giúp đỡ ông Ngọc khoảng 3,4 năm. Sau này về nước, bà Thuần cho anh miếng đất 130m² mà bà Thuần được cụ Tạo cho nhưng không sử dụng nằm trong thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 diện tích 331m² tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội. Lúc này anh còn nhỏ chưa hiểu gì về pháp luật, hơn nữa đó là khối tài sản lớn, nên anh có gửi và sát nhập của sổ chính của ông nội anh là Trần Văn Tạo. Đến năm 2012 anh quyết định xây nhà trên mảnh đất mà bà Thuần cho. Sau đó anh đón ông bà nội đang sống ở căn nhà 05 gian cũ lên sinh sống với anh.

Ông nội anh chết năm 2015 không để lại di chúc. Do giá đất tăng cao nên gia đình anh xảy ra việc tranh chấp di sản thừa kế của ông Tạo là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6. Anh là cháu không liên quan đến việc này. Đề nghị Tòa án kiểm tra các tình tiết sự việc trên để đảm bảo phần đất mà bà Thuần đã cho anh, nhưng chưa tách khỏi sổ chính của cụ Trần Văn Tạo, không nằm trong việc phân chia di sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Sửu đối với ông Trần Văn Tân về việc chia thừa kế di sản của cụ Trần Văn Tạo.

1.1. Xác định cụ Trần Văn Tạo chết ngày 29/3/2015. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Văn Tạo ngày 29/3/2015.

2. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Trần Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Mẫn là nhà cấp 4 có 05 gian xây đất, giá trị: 10.411.000 đồng và diện tích 370,3m² đất (trong đó có 239,3m² đất ở và 131m² đất vườn) tại thửa số 91, tờ

bản đồ số 6 tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 248366 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 04/11/2010 đứng tên ông Trần Văn Tạo có giá trị là: 5.554.500.000 đồng. Tổng cộng tài sản chung vợ chồng là: 5.564.911.000 đồng.

2.1. Chia tài sản chung vợ chồng của cụ Tạo và cụ Mẫn theo tỷ lệ 50/50, mỗi cụ được hưởng tài sản có giá trị là: 2.782.455.500 đồng (tương đương với diện tích đất là: 185,15m², trong đó có 119,60m² đất ở và 65,55m² đất vườn).

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Tạo là một phần nhà đất phía bên trái từ ngõ đi vào tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội có giá trị là: 2.782.455.500 đồng (tương đương với diện tích đất là: 185,15m², trong đó có 119,60m² đất ở và 65,55m² đất vườn).

2.3. Xác định tài sản của cụ Mẫn là một phần nhà đất phía bên phải từ ngõ đi vào tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội có giá trị là: 2.782.455.500 đồng (tương đương với diện tích đất là: 185,15m², trong đó có 119,60m² đất ở và 65,55m² đất vườn).

3. Cụ Tạo chết không có di chúc. Chia di sản thừa kế của cụ Tạo theo pháp luật.

3.1. Trích công sức quản lý di sản cho ông Tân là ½ của 01 kỷ phần thừa kế.

3.2. Chia thừa kế di sản của cụ Tạo theo pháp luật cho cụ Mẫn, bà Tần, bà Huấn, bà Luyện, ông Tân, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là: 327.347.705 đồng (quy ra đất thì mỗi suất thừa kế được chia diện tích là: 21,78m², trong đó 14,07m² đất ở và 7,71m² đất vườn).

3.3. Cụ Mẫn được chia thừa kế nhà đất và chia tài sản chung vợ chồng có giá trị là: 3.109.803.205 đồng (quy ra đất thì được chia diện tích là: 206,93m², trong đó 133,67m² đất ở và 73,26m² đất vườn).

3.4. Ông Tân được chia thừa kế và hưởng công sức quản lý di sản có giá trị là: 491.021.558 đồng (quy ra đất thì được chia diện tích là: 32,67m², trong đó 21,10m² đất ở và 11,57m² đất vườn).

4. Chia hiện vật cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo):

4.1. Chia cho bà Tần, bà Huấn, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần vào một khối với diện tích đất là 130,68m² (trong đó 84,41m² đất ở và 46,27m² đất vườn, chiều dài là 16,99m và 17,09m, chiều rộng là 7,66m từ mặt ngõ vào) có giá trị là: 1.964.086.230 đồng tại phần phía bên trái thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội từ ngõ đi vào.

4.2. Chia cho cụ Mẫn diện tích đất là 206,93m² (trong đó 133,67m² đất ở và 73,26m² đất vườn, chiều dài là 17,09m và 17,18m, chiều rộng là 12,02m và 12,04m từ mặt ngõ vào) có giá trị là: 3.109.803.205 đồng tại phần đất liền kề phía bên cạnh phải đã chia cho bà Tần, bà Huấn, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần từ ngõ đi vào tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội.

4.3. Chia cho ông Tân diện tích đất là 32,67m² (trong đó 21,10m² đất ở và 11,57m² đất vườn, chiều dài là 17,18m và 12,26m, chiều rộng là 1,9m từ mặt ngõ vào) có giá trị là: 491.021.558 đồng tại phần đất liền kề phía bên cạnh

phải đã chia cho cụ Mẫn từ ngõ đi vào tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội.

5. Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán giá trị nhà cho cụ Mẫn là: 5.817.911 đồng.

5.1. Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán giá trị nhà cho ông Tân là: 918.616 đồng.

5.2. Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho ông Tân, bà Vui, anh Kiên, chị Phương số tiền làm công trình phụ và sân gạch đỏ là: 6.241.156 đồng.

6. Các đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đối với các diện tích đất được chia để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

7. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

8. Các đương sự phải có trách nhiệm thi hành bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn Tân; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Mẫn, anh Trần Văn Kiên kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị đơn ông Trần Văn Tân trình bày: Hiện ông không ở tại đất tranh chấp, nguyên đơn bà Sửu kiện ông là không đúng đối tượng khởi kiện. Sau khi cụ Tạo chết cụ Mẫn là người quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất nên bà Sửu phải khởi kiện cụ Mẫn với đúng. Đối với diện tích 130m² anh Kiên đã xây nhà 3 tầng là do cụ Tạo, cụ Mẫn cho anh Kiên nên diện tích đất này không còn là tài sản chung của cụ Tạo, Mẫn, không phải là di sản. Do đối tượng khởi kiện không đúng nên đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị Sửu trình bày: Do ông Tân, anh Kiên cản trở không cho các bà vào thăm nom cụ Mẫn, nên các bà khởi kiện ông Tân yêu cầu chia thừa kế và có nguyện vọng được nhận phần nhà cấp 4 để thờ cúng và chăm sóc cụ Mẫn. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Kiên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Về tố tụng: Ông Tân không sử dụng thửa đất do nguyên đơn khởi kiện. Cụ Mẫn là người sử dụng và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải kiện cụ Mẫn. Nguyên đơn khởi kiện ông Tân là không đúng đối tượng khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và đánh giá chứng cứ không khách quan.

Về nội dung: Cụ Tạo và cụ Mẫn đã cho anh Kiên xây nhà trên diện tích đất 130m², tuy việc tặng cho không có giấy tờ nhưng khi xây dựng không ai cản trở; anh Kiên đã sử dụng ổn định từ khi xây dựng nhà cho đến nay. Bản án sơ thẩm không công nhận cho anh Kiên được sử dụng phần diện tích đã xây nhà 3 tầng, xác định diện tích đất này là tài sản chung của cụ Tạo, cụ Mẫn và chia tài sản chung, chia thừa kế đối với diện tích đất này là không phù hợp với Án lệ số 03/2016 và Án lệ số 15/2017 ngày 14/12/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng nên đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Mẫn xin xét xử vắng mặt, HĐXX công bố đơn kháng cáo của cụ Mẫn.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của cụ Mẫn, áp dụng Điều 661 BLDS chưa phân chia di sản thừa kế của cụ Tạo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thuần trình bày: Bà không cho anh Kiên diện tích anh Kiên xây nhà 3 tầng, nếu tặng cho phải có giấy tờ. Việc xây dựng nhà 3 tầng là do cụ Tạo đứng ra xây dựng. Nếu hai cụ cho anh Kiên đất thì yêu cầu anh Kiên xuất trình giấy tờ. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tân, bà Huân, bà Luyện, bà Hương thống nhất với ý kiến của bà Sửu, bà Thuần và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HĐXX công bố lời khai của các đương sự vắng mặt

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội về giá trị di sản theo giá của Hội đồng định giá tại cấp phúc thẩm; xác định tài sản chung của cụ Tạo và cụ Mẫn là quyền sử dụng 331m² đất theo GCN được cấp và nhà 5 gian; phần diện tích biến động tăng 39,3m² nằm ở vị trí phân chia cho thừa kế nào thì tạm giao cho thừa kế đó sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bổ sung thêm quan hệ pháp luật là chia tài sản chung. Bác kháng cáo của bị đơn ông Tân và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Mẫn, anh Kiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Tân; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Mẫn, anh Trần Văn Kiên nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Sửu khởi kiện ông Tân, bản án sơ thẩm xác định ông Tân là bị đơn là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 68 BLTTDS.

Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về thu thập và đánh giá chứng cứ.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Tạo. Để xác định được di sản của cụ Tạo, bản án sơ thẩm đã chia tài sản chung của cụ Mẫn và cụ Tạo nên cần bổ sung quan hệ pháp luật *chia tài sản chung* như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp.

Về nội dung:

Về diện, hàng thừa kế:

Cụ Trần Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Mẫn có 08 người con gồm: Bà Trần Thị Tần, sinh năm 1953; bà Trần Thị Huân, sinh năm 1956; bà Trần Thị Luyện, sinh năm 1960; ông Trần Văn Tân, sinh năm 1964; bà Trần Thị Sửu, sinh năm 1966; ông Trần Văn Phương, sinh năm 1968, chết ngày 04/12/1996 (không có vợ con); bà Trần Thị Hương, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Thuần, sinh năm 1975. Ngoài ra cụ Tạo và cụ Mẫn không có con nuôi con riêng nào khác.

Cụ Tạo chết ngày 29/3/2015 không để lại di chúc, hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Tạo gồm: Cụ Mẫn, bà Tần, bà Huân, bà Luyện, ông Tân, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần.

Về di sản:

Theo nguyên đơn, di sản của cụ Tạo để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại thửa đất số 91 tờ bản đồ số 6 xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Kiên cho rằng $130m^2$ đất trong tổng số $331m^2$ đất tại thửa đất trên là của bà Thuần đã tặng cho anh, không phải là di sản.

Theo hồ sơ phòng Tài nguyên môi trường huyện Sóc Sơn cung cấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 20/7/1994 thì cụ Trần Văn Tạo được cấp $691m^2$ đất gồm: $200m^2$ đất ở; $131m^2$ đất vườn; $360m^2$ đất kinh tế gia đình. Ngày 20/9/2003 cụ Tạo làm đơn xin cắt đất cho con gái là bà Thuần diện tích $136m^2$ nằm trong thửa số 91, tờ bản đồ số 6 diện tích $331m^2$ (gồm: $200m^2$ đất ở; $131m^2$ đất vườn) có xác nhận của UBND xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn. Ngày 14/11/2003 UBND huyện Sóc Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V835825, thửa đất 91a, tờ bản đồ số 6, diện tích $136m^2$ cho hộ bà Trần Thị Thuần. Ngày 14/11/2003 UBND huyện Sóc Sơn cũng ghi chú việc cụ Tạo tặng cho bà Thuần vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 20/7/1994 của cụ Tạo.

Ngày 07/10/2010 tại UBND xã Phù Lỗ, cụ Mẫn, bà Hương, bà Thuần, ông Tân, bà Vui, anh Kiên, chị Giang đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V835825, thửa đất 91a, tờ bản đồ số 6, diện tích $136m^2$ mang tên hộ bà Trần Thị Thuần đối với cụ Tạo và có xác nhận của UBND xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn. Lý do việc cụ Mẫn, bà Hương, ông Tân, bà Vui, anh Kiên, chị Giang ký vào Hợp đồng tặng cho này là vì mọi người đang sinh sống hoặc có các tài sản trên đất tại thửa đất 91a, tờ bản đồ số 6, diện tích $136m^2$. Còn bà Thuần thì không sinh sống tại thửa đất 91a, tờ bản đồ số 6, diện tích $136m^2$ trên nhưng tặng cho lại cụ Tạo.

Ngày 04/11/2010 UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 248366 thửa số 91, tờ bản đồ số 6 với diện tích $331m^2$ cho cụ Tạo. Như vậy, quyền sử dụng đất theo GCN trên là tài sản chung vợ chồng của cụ Tạo và cụ Mẫn.

Việc anh Kiên trình bày là bà Thuần đã cho anh Kiên mảnh đất $136m^2$ mà bà Thuần được cụ Tạo cho nhưng không sử dụng, nằm trong thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 diện tích $331m^2$ tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội mà anh Kiên có gửi và sát nhập của sổ chính của ông Trần Văn Tạo là không có cơ

sở vì thửa đất 91a, tờ bản đồ số 6, diện tích 136m² này khi tặng cho cụ Tạo ngày 07/10/2010 vẫn mang tên hộ bà Trần Thị Thuần chứ không có tên anh Kiên. Anh Kiên cũng không xuất trình được tài liệu về việc bà Thuần tặng cho anh Kiên 130m² đất. Việc anh Kiên cho rằng anh đã ký vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V835825 thì bà Thuần đã cho anh Kiên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V835825 là không phù hợp quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm anh Kiên có xuất trình Vi bằng thể hiện cụ Mẫn cho anh Kiên phần diện tích anh Kiên xây dựng nhà bê tông 3 tầng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày thì không có tài liệu nào khác thể hiện việc cụ Mẫn tặng cho anh Kiên phần diện tích anh Kiên xây nhà 3 tầng. Mặt khác lời trình bày này cũng mâu thuẫn với ý chí của cụ Mẫn tại Đơn khởi kiện chia thừa kế của cụ Mẫn năm 2019, lời khai của cụ Mẫn ngày 03/11/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn và lời khai của ông Tân ngày 03/10/2020. Ông Tân khai nhà 3 tầng ông Tân xây và cho anh Kiên ra ở, ông Tân cũng không xác nhận cụ Mẫn cho anh Kiên đất xây nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Kiên đề nghị HĐXX áp dụng Án lệ số 03/2016 và Án lệ số 15/2017 ngày 14/12/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để công nhận việc cụ Tạo, cụ Mẫn đã tặng cho anh Kiên diện tích 130m² đất. Nhận thấy, các tình tiết của vụ kiện này không phù hợp với các tình tiết của hai án lệ nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 91, tờ bản đồ số 6 tại Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội là tài sản chung của cụ Tạo, cụ Mẫn là đúng quy định.

Theo kết quả đo thực tế, thửa đất có diện tích 370,3m², biến động tăng cạnh phía Tây 20,6m², cạnh phía Nam 18,7m².

Ngày 18/6/2021 UBND xã Phù Lỗ có Công văn số 275/UBND trả lời Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn về việc xác định diện tích chênh lệch đối với thửa số 91, tờ bản đồ số 6 của cụ Trần Văn Tạo tại thôn Liên Lý, Phù Lỗ như sau: Diện tích theo Giấy chứng nhận là 331m². Trong đó đất ở là 200m², đất vườn là 131m². Theo nội dung văn bản của Tòa án (kết quả đo đạc của Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc bản đồ Thăng Long) đo vẽ diện tích hiện trạng gia đình ông Trần Văn Tạo đang sử dụng chênh lệch tăng so với GCN, cụ thể: Cạnh phía Tây giáp đường dân sinh chênh lệch tăng 20,6m²; cạnh phía Nam giáp đất ông Toàn chênh lệch tăng 18,7m².

UBND xã Phù Lỗ đã tiến hành làm việc xác minh với chủ sử dụng đất, thôn Liên Lý, các chủ giáp ranh liền kề xác định. Hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Tạo đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Phần diện tích chênh lệch tăng phía Tây 20,6m² hiện gia đình ông Tạo đang sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng bằng tường xây, không có tranh chấp và ý kiến gì của nhân dân trong thôn.

Ngày 06/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã làm việc với UBND xã Phù Lỗ và UBND xã Phù Lỗ vẫn giữ nguyên ý kiến về Công văn số: 275/UBND này và đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét thấy, diện tích trong Giấy chứng nhận số BB 248366 là 331m² nhưng hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Tạo là 370,3m². Diện tích

370,3m² này đang sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng bằng tường xây, không có tranh chấp nên bản án sơ thẩm công nhận diện tích thửa đất theo số đo thực tế là 370,3m² là phù hợp với quy định. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi nhận thửa đất có 200m² đất ở nên 39,3m² đất này được tính vào diện tích đất vườn. Bản án sơ thẩm tính vào diện tích đất ở là không phù hợp. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về diện tích tăng thêm không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Như vậy, diện tích thửa đất là 370,3m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 170,3m² đất vườn). Các tài sản trên đất này chỉ có nhà cấp 4 có 05 gian xây đất, giá trị: 10.411.000 đồng là tài sản chung vợ chồng của cụ Tạo và cụ Mẫn. Còn lại các tài sản khác trên đất là của ông Tân, bà Vui, anh Kiên, chị Phương xây dựng và tôn tạo.

Theo kết quả định giá của cấp sơ thẩm quyền sử dụng đất tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội là 15.000.000 đồng/1m², không định giá cụ thể giá đất ở và đất vườn nên việc xác định giá trị di sản không đúng với thực tế. Theo kết quả định giá tại cấp phúc thẩm ngày 04/4/2023 giá trị quyền sử dụng đất ở là $19.682.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 200\text{m}^2 = 3.936.400.000$ đồng; giá trị quyền sử dụng đất vườn là $468.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 170,3\text{m}^2 = 79.700.400$ đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 4.016.100.400 đồng. Giá trị nhà 5 gian cấp 4 là 10.411.000 đồng. Tổng giá trị nhà đất là 4.026.511.400 đồng.

Chia tài sản chung của cụ Tạo, cụ Mẫn, mỗi cụ được chia tài sản có giá trị là $4.026.511.400 \text{ đồng} : 2 = 2.013.255.700$ đồng.

Công sức :

Do ông Tân là con trai ở với cụ Tạo và quản lý di sản. Cụ Tạo chết ngày 29/3/2015 nên tòa án cấp sơ thẩm trích công sức quản lý di sản cho ông Tân là $\frac{1}{2}$ của 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp.

Chia bằng giá trị :

Chia thừa kế theo pháp luật phân di sản của cụ Tạo cho 08 người là: Cụ Mẫn, bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hường, bà Thuần mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế. Riêng ông Tân được hưởng và chia là 1,5 kỷ phần thừa kế. Cụ Mẫn, bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hường, bà Thuần được chia 1 kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.013.255.700 đồng: $8,5 = 236.853.612$ đồng. Ông Tân được hưởng 1,5 kỷ phần có giá trị là $236.853.612 \text{ đồng} + 118.426.806 \text{ đồng} = 355.280.418$ đồng. Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hường, bà Thuần được chia tổng là $236.853.612 \text{ đồng} \times 6 = 1.421.121.671$ đồng. Tổng giá trị tài sản của cụ Mẫn được hưởng và được chia là $2.013.255.700 \text{ đồng} + 236.853.612 \text{ đồng} = 2.250.109.312$ đồng.

Chia bằng hiện vật:

Do bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hường, bà Thuần có nguyện vọng chia chung vào một khối; cụ Mẫn đang sống cùng ông Tân ở thửa đất khác nên giao phần đất có nhà cấp 4 và công trình phụ cho bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hường, bà Thuần sở hữu, sử dụng. Giao diện tích đất còn lại cho cụ Mẫn và ông Tân sử dụng như bản án sơ thẩm phân chia là phù hợp. Không chấp nhận kháng cáo của cụ Mẫn về việc áp dụng Điều 661 BLDS để không phân chia di sản.

Đất ở có 200m², đất vườn là 170,3m² tỉ lệ là 54% đất ở và 46% đất vườn.

Cụ thể :

Giao bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần sở hữu, sử dụng 131,3m² đất tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội (71m² đất ở, 60,3m² đất vườn) có giá trị 1.425.642.400 đồng; tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 có giá trị 10.411.000 đồng; công trình phụ có giá trị 3.466.000 đồng; 25m² sân gạch có giá trị 2.810.000 đồng và một đoạn tường bao có giá trị là 270.400 đồng.

Giao cụ Mẫn sử dụng 207m² đất liền kề phía bên cạnh phải của bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội (112m² đất ở, 95m² đất vườn) có giá trị 2.248.844.000 đồng.

Giao ông Tân sử dụng 32m² đất liền kề phía bên cạnh phải của cụ Mẫn tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội (17m² đất ở, 15m² đất vườn) có giá trị 341.614.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Đối trừ chênh lệch :

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần được giao 131,3m² đất có giá trị 1.425.642.400 đồng; tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 có giá trị 10.411.000 đồng. Tổng giá trị là 1.436.053.400 đồng. Kỳ phần được hưởng là 1.421.121.671 đồng thừa 14.931.729 đồng.

Cụ Mẫn được giao sử dụng 207m² đất có giá trị 2.248.844.000 đồng. Kỳ phần được hưởng là 2.250.109.312 đồng, còn thiếu 1.265.312 đồng.

Ông Tân được giao sử dụng 32m² có giá trị 341.614.000 đồng. Kỳ phần thừa kế được hưởng 355.280.418 đồng, thiếu 13.666.418 đồng.

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho cụ Mẫn 1.265.312 đồng. Thanh toán cho ông Tân 13.666.418 đồng.

Trên đất giao bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần có công trình phụ có giá trị 3.466.000 đồng; 25m² sân gạch có giá trị 2.810.000 đồng và một đoạn tường bao có giá trị là 270.400 đồng do ông Tân xây dựng, nên bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho ông Tân 6.546.400 đồng. Tổng số tiền bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho ông Tân là 20.212.818 đồng.

Trên diện tích đất của ông Tân và cụ Mẫn có các tài sản của ông Tân, bà Vui, anh Kiên, chị Phương, nếu có tranh chấp giải quyết sau bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Cụ Mẫn có đơn cho tài sản ông Tân và điểm chỉ, tuy nhiên đơn này không có xác nhận cơ quan có thẩm quyền và cụ Mẫn cũng không có mặt tại phiên tòa nên không có cơ sở khẳng định ý chí của cụ Mẫn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc cho tài sản của cụ Mẫn đối với ông Tân là phù hợp. Nếu cụ Mẫn có nguyện vọng cho tài sản của mình với ông Tân thì cụ Mẫn vẫn thực hiện được khi cụ Mẫn làm thủ tục sang tên với các tài sản đã được Tòa án chia tại cơ quan có thẩm quyền.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội một phần phù hợp với nhận định của HĐXX.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Tân; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Mẫn và anh Trần Văn Kiên.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm ông Trần Văn Tân, cụ Nguyễn Thị Mẫn và anh Trần Văn Kiên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại dự phí đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ Mẫn, bà Tần, bà Huân, bà Luyện là người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Bà Sửu, bà Hương, bà Thuận, ông Tân mỗi người phải chịu án phí là 11.983.654 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm xác định án phí bà Sửu, bà Hương, bà Thuận, ông Tân phải chịu là 1.636.500 đồng là chưa chính xác, cần sửa lại.

Bà Sửu đã nộp 1.562.500 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0004558 ngày 10/12/2021. Bà Sửu còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 10.421.154 đồng.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 213; 623; 649, 650; 651; 658; 660; 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Sửu đối với ông Trần Văn Tân về việc chia thừa kế di sản của cụ Trần Văn Tạo.

Về diện, hàng thừa kế :

Cụ Trần Văn Tạo chết ngày 29/3/2015. Thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Văn Tạo ngày 29/3/2015.

Cụ Tạo chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tạo gồm: Cụ Nguyễn Thị Mẫn, bà Trần Thị Tần, bà Trần Thị Huân, bà Trần Thị Luyện, ông Trần Văn Tân, bà Trần Thị Sửu, bà Trần Thị Hương, bà Trần Thị Thuận.

2. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Trần Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Mẫn là nhà cấp 4 có 05 gian xây đất, giá trị 10.411.000 đồng và diện tích 370,3m² đất (trong đó có 200m² đất ở và 170,3m² đất vườn) tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6 tại Liên Lý, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 248366 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 04/11/2010 đứng tên ông Trần Văn Tạo có giá trị là 4.026.511.400 đồng.

Chia tài sản chung của cụ Tạo, cụ Mẫn, mỗi cụ được chia tài sản có giá trị là 4.026.511.400 đồng : 2 = 2.013.255.700 đồng.

3. Về di sản:

Xác định di sản của cụ Tạo có giá trị 2.013.255.700 đồng.

Về công sức: Trích công sức quản lý di sản cho ông Tân là ½ của 01 kỳ phần thừa kế.

4. Chia bằng giá trị:

Chia thừa kế di sản của cụ Tạo theo pháp luật cho cụ Mẫn, bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là: 236.853.612 đồng.

Cụ Mẫn được chia thừa kế và chia tài sản chung vợ chồng có giá trị là: 2.250.109.312 đồng.

Ông Tân được chia thừa kế và hưởng công sức quản lý di sản có giá trị là: 355.280.418 đồng.

5. Chia hiện vật cụ thể như sau:

- Giao bà Trần Thị Tần, bà Trần Thị Huân, bà Trần Thị Luyện, bà Trần Thị Sửu, bà Trần Thị Hương, bà Trần Thị Thuần sở hữu, sử dụng 131,3m² đất tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội (71m² đất ở, 60,3m² đất vườn) có giá trị 1.425.642.400 đồng và tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 có giá trị 10.411.000 đồng; công trình phụ có giá trị 3.466.000 đồng; 25m² sân gạch có giá trị 2.810.000 đồng và một đoạn tường bao có giá trị là 270.400 đồng.

- Giao cụ Nguyễn Thị Mẫn sử dụng 207m² đất liền kề phía bên cạnh phải của bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội (112m² đất ở, 95m² đất vườn) có giá trị 2.248.844.000 đồng.

- Giao ông Trần Văn Tân sử dụng 32m² đất liền kề phía bên cạnh phải của cụ Mẫn tại thửa số 91, tờ bản đồ số 6, Liên Lý, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội (17m² đất ở, 15m² đất vườn) có giá trị 341.614.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Đối trừ chênh lệch :

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần được giao 131,3m² đất có giá trị 1.425.642.400 đồng; tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 có giá trị 10.411.000 đồng. Tổng giá trị là 1.436.053.400 đồng. Kỷ phần được hưởng là 1.421.121.671 đồng, thừa 14.931.729 đồng.

Cụ Mẫn được giao sử dụng 207m² đất có giá trị 2.248.844.000 đồng. Kỷ phần được hưởng là 2.250.109.312 đồng, còn thiếu 1.265.312 đồng.

Ông Tân được giao sử dụng 32m² có giá trị 341.614.000 đồng, thiếu 13.666.418 đồng.

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho cụ Mẫn 1.265.312 đồng. Thanh toán cho ông Tân 13.666.418 đồng.

Bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho ông Tân 6.546.400 đồng giá trị tài sản do ông Tân xây dựng trên phần đất giao cho bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần. Tổng số tiền bà Tần, bà Huân, bà Luyện, bà Sửu, bà Hương, bà Thuần phải thanh toán cho ông Tân là 20.212.818 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đối với các diện tích đất được chia để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tân, anh Kiên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0005173 ngày 08/7/2022; Biên lai số 0005141 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ Mẫn, bà Tần, bà Huấn, bà Luyện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Sửu, bà Hương, bà Thuần, ông Tân mỗi người phải chịu 11.983654 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Sửu đã nộp 1.562.500 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0004558 ngày 10/12/2021. Bà Sửu còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 10.421.154 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh